

PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TÀI

QUYỂN 4

MẬU DÂN: HÀN, NGUY, TRIỆU.

Lôi thị nói: Ngụy, Triệu, Hàn, Tề, Yên, Sở và Tần được gọi là thất hùng phong ở đất Hàn. Từ Vũ Tử đến Vương An gồm mười hai đời vua, trị vì được một trăm chín mươi sáu năm.

Ngụy Vũ Tử: Con cháu của Tất Công Vạn, cùng họ với nhà Chu. Sau khi Vũ Vương diệt nhà Ân, ông được phong ở đất Tất. Thời bấy giờ có lần Tần Vương muốn đánh Ngụy. Lại có thuyết nói rằng: Bấy giờ Văn Hầu Sư, Điền Tử Phương thọ học kinh với Tử hạ, lấy nghĩa đãi khách, chặt bỏ cổng làng, vua lạ các bậc Hiền sĩ, người dân trong nước khen vua là bậc nhân nghĩa. Vua tôi đều thuận hòa, chưa từng có xung đột. Thời ấy có những bậc hiền tài như: Mạnh Thuần, Trâu Diễn, Thuần Vu Khôn.

Thời của Tuệ Vương, ông ấy có người con gái biến thành đàn ông.

Cha của Vũ Tử là Tất Vạn thờ vua Tấn, Tấn Hiến Công phong ông ở đất Ngụy thuộc quận Hà Đông. Đến đời Diêu Công thì ông ở Giáng Dương. Bấy giờ văn võ khôi phục nhà Ngụy. Từ Tất Vạn đến Vương Giả gồm chín đời vua, trị vì tổng cộng một trăm năm. Cuối cùng bị Tần Thủy Hoàng thôn tính.

Triệu Vũ Tử: Cha ông cùng vua Tần đồng một ông tổ. Hai con của vua Ân là Phi và Liêm rất ghét Quý Thắng. (Quý thắng là tiên tổ của nước Triệu). Về sau cha ông làm ngự sử cho Mục Vương và được phong ở thành Triệu, nhân đó mới đổi thành họ Triệu. Đến kính hầu thì đóng đô ở Hàm Đan. Về sau đến đời đại vương gia thì bị tướng của Tần là Vương Bôn tiêu diệt. Cả thủy gồm mười một đời, trị vì tổng cộng một trăm tám mươi bảy năm. Còn những chư hầu như: Tề, Sở, Yên, Tần đã chú thích ở phần trên.

AN VƯƠNG: (Canh Thìn)

An Vương: Tên là Kiêu, còn có tên là Long, con của Uy Liệt Vương. Ông trị vì được hai mươi sáu năm.

Tân Ty: Năm thứ hai nước Tấn bị chia làm ba. Bấy giờ Triệu Ngụy và Hàn đồng mưu diệt Tấn và chia ba nước này.

Bính Thân: Tề bị diệt vong.

TỔ 11: PHÚ NA DẠ NA: (Mậu Tuất)

Ngài họ Cù-đàm, người nước Hoa Thị, cha là Bảo Thân. Sau khi đắc pháp với Hiếp Tôn giả, ngài hoằng hóa đến nước Ba-la-nại. Bấy giờ có một Đại sĩ tên là Mã Minh đến nghênh đón và đánh lễ ngài. Nhân đó Mã Minh nói với ngài:

- Tôi muốn biết Phật, vậy thế nào là Phật?

- Ông muốn biết Phật nhưng lại chẳng biết ai là Phật.

- Phật còn chưa biết thì làm sao biết được đó đích thị là Phật được!

- Đã không biết Phật thì làm sao biết được đó chẳng phải là Phật?

Mã Minh nói: Nghĩa của thầy là nghĩa Cưa.

Ngài nói: Nghĩa của ông là nghĩa Cây.

Ngài hỏi lại: Nghĩa Cưa là thế nào?

- Đâu khác với thầy.

Mã Minh lại hỏi: Vậy thế nào là nghĩa Cây?

Ngài đáp: Ông bị ta cưa ngã rồi!

Mã Minh nhân đó hoát nhiên tỉnh ngộ, bèn đánh lễ quy y, xin ngài xuống tóc. Ngài bảo chúng rằng: Vị Đại sĩ này thuở xưa làm quốc vương nước Tỳ-xá-ly. Trong nước ấy có một người trần truồng như ngựa. Nhà vua thương cảm bèn vận dụng thần lực biến mình thành con tầm nhả tơ, người kia nhờ đó mà có áo quần để mặc. Về sau nhà vua ấy mất và sinh trong vùng Trung Ấn Độ. Lúc ông ấy sinh ra loài ngựa cảm kích bèn hí vang, nhân đó người ta gọi ông là Mã Minh. Như Lai có huyền ký rằng: “Sau khi ta diệt độ sáu trăm năm sẽ có một Hiền giả tên là Mã Minh ở tại thành Ba-la-nại xô dẹp các thứ tà đạo, kế thừa đạo pháp của Ta, giáo hóa vô lượng hữu tình.” Chính là lúc này vậy.

Lúc ấy ngài bảo Mã Minh rằng: Đại Pháp nhãn tạng của Như Lai, nay ta sẽ giao phó cho ông. Ngài bèn nói kệ:

Mê ngộ như ẩn hiện

Tối sáng chẳng rời nhau

*Nay trao pháp ấn hiện
Chẳng một cũng chẳng hai.*

Phó pháp xong, ngài bèn hóa hiện thần thông, an nhiên thị tịch. Mã Minh cùng đồ chúng xây tháp an táng chân thân của ngài. Bấy giờ là năm Mậu Tuất, nhằm đời Chu An Vương năm thứ mười chín.

Bính Ngọ: Liệt Vương: Tên là Hỷ, con của An Vương. Thời bấy giờ trời mưa trút xuống theo cả lá cây Lịch. Ông trị vì được bảy năm. Năm này có nhật thực.

HIỂN VƯƠNG: (Quý Sửu)

Tên là Biển, con của Liệt Vương. Ông trị vì được bốn mươi tám năm. Bấy giờ Tô Tần đi du thuyết sáu nước.

Giáp Dần: Năm thứ hai, Tần Tuệ mới xưng vương.

Giáp Tý ba mươi chín: Vua trị vì được mười hai năm.

Tân Mùi: Thế Tôn diệt độ được sáu trăm năm.

TỔ 12: MÃ MINH ĐẠI SĨ: (Giáp Ngọ)

Ngài sinh trưởng tại nước Ba-la-nại, ngài còn có hiệu là Công Thắng, bởi vì công đức hữu vi, vô vi của ngài thấy đều vô cùng thù thắng.

Sau khi đắc pháp với Tôn giả Dạ-xa, ngài vân du đến nước Hoa Thị chuyển bánh xe diệu pháp. Một hôm có một ông già đến trước pháp hội, bỗng nhiên ngã lăn ra đất, ngài bảo chúng rằng: Đây không phải là chuyện thường, chắc sẽ có điềm lạ gì đây!

Vừa nói dứt lời, ngài chẳng còn thấy ông già đâu cả. Chợt thấy ngay chỗ ấy hiện ra một người nước da sáng như vàng, người ấy lại hóa thành một người con gái xinh đẹp, lấy tay chỉ ngài nói kệ rằng:

Cúi đầu lạy trưởng lão

Hiện nhận lời Phật ghi

Nay ở ngay xứ này

Diễn nói Đệ nhất nghĩa.

Nói kệ xong trong chớp mắt chẳng thấy người con gái ấy đâu cả. Ngài bảo mọi người: Lát nữa đây sẽ có ma đến đấu sức với ta đây! Bỗng nhiên mưa gió âm âm, trời đất mù mịt.

Ngài nói: Địch thị là ma đến rồi, ta sẽ trừ khử chúng đây.

Nói xong ngài chỉ tay lên hư không, hư không bỗng hiện ra con rồng vàng to lớn, nó phát khởi oai thần chấn động cả núi non. Ngài vẫn nghiêm nhiên ngồi trên tòa, ma thuật dần dần biến mất.

Bảy ngày sau, bỗng có một con trùng nhỏ, nép dưới chỗ ngồi của ngài. Ngài đưa tay bắt con trùng ấy đưa cho mọi người xem và nói: Đây là trá hình của ma đến đây nghe trộm pháp của ta.

Ngài bèn ném nó ra và bảo nó đi đi, nhưng con trùng ấy vẫn nằm im không cựa quậy. Thấy thế ngài bèn bảo: Người hãy quy y Tam bảo thì liền có được thần thông. Con trùng liền hiện lại nguyên hình, đánh lễ ngài cầu xin sám hối.

Ngài hỏi:

- Người tên gì? Có bao nhiêu quyến thuộc?

Ma thưa: Con tên là Ca-tỳ-ma-la, có đến ba ngàn quyến thuộc.

- Người vận hết thần lực biến hóa được những gì?

- Con hóa biến cả bao la thành vật nhỏ xíu.

- Thế người có hóa được tánh biển chăng?

- Thưa, thế nào là tánh biển? Con chưa từng biết đến.

Ngài liền giải thích tánh biển cho nó nghe và nói: Núi sông quả đất đều nương tánh ấy mà an lập, Tam-muội lực thông cũng đều từ tánh ấy mà có.

Tỳ-ma-la nghe xong liền phát khởi tín tâm, dẫn cả ba ngàn đồ chúng xin ngài xuất gia. Ngài liền triệu tập năm trăm La-hán truyền giới cho họ, rồi bảo Tỳ-ma-la rằng: Đại Pháp nhãn tạng của Như Lai nay ta giao phó cho ông, ông hãy nghe ta nói kệ đây:

*Ẩn hiện vốn pháp này
Sáng tối nguyên chẳng hai
Nay truyền pháp liễu ngộ
Chẳng lấy cũng chẳng lia.*

Truyền pháp xong, ngài bèn nhập vào Long phấn tấn Tam-muội, toàn thân bay bổng lên hư không, sáng rỡ như mặt trời, rồi sau tịch diệt. Bốn chúng đem chân thể ngài an táng trong Long tháp. Bấy giờ là năm Giáp Ngọ, nhằm đời Chu Hiển vương năm thứ bốn mươi hai.

Tân Sửu: Thận Tịnh Vương: Tên là Định, con của Hiển Vương. Ông trị vì được sáu năm. Bấy giờ sáu nước đều tự xưng vương.

NOÃN VƯƠNG: (Đinh Mùi)

Tên là Diên, con của Thận Tịnh Vương, trị vì được năm mươi chín năm. Bấy giờ Đông Chu, Tây Chu tự phân ra để cai trị, bị chư hầu xâm lấn, vua chẳng khác thường dân. Vua phải dời đô, thái tử cai trị Đông Chu.

Giáp Tý bốn mươi: Vua trị vì được mười tám năm.

Bính Tý: Năm thứ ba mươi, Tống bị diệt vong.

TỔ 13: CA TỖ MA LA:

Ngài người nước Hoa Thị, ban đầu học theo ngoại đạo, rất giỏi về Dịch luận, đồ chúng có đến ba ngàn người.

Sau khi đắc pháp với Tôn giả Mã Minh, ngài dẫn đồ chúng kéo đến Tây Ấn Độ hoàng hóa. Bấy giờ có thái tử tên là Vân Tự Tại rất ngưỡng mộ danh tiếng của ngài và thỉnh ngài vào cung để cúng dường. Ngài bảo: Đức Phật có dạy: Sa-môn không được gần gũi thân cận với quốc vương, đại thần cùng các nhà quyền thế.

Thái tử thưa: Bạch Tôn giả! Hiện nay phía Bắc quốc thành của con có một ngọn núi lớn, trong núi có một hang đá rất yên tĩnh, thầy có thể thiền định ở đó chăng?

Ngài nói: Được.

Thế rồi ngài bèn đi vào núi ấy. Đi được vài dặm, bỗng gặp một con rắn to dài, ngài vẫn cứ đi thẳng mà chẳng thèm ngó đến. Con rắn bèn quấn quanh thân ngài. Nhân đó ngài truyền thọ Tam quy cho nó. Con rắn nghe xong liền bò đi.

Ngài định đến hang núi bỗng gặp một ông già mặc toàn đồ trắng bước ra chấp tay thưa hỏi. Ngài bèn hỏi: Ông ở nơi nào?

Ông già thưa: Xưa con từng làm Tỳ-kheo rất thích sự yên tĩnh, bấy giờ có một Tỳ-kheo sơ cơ nhiều lần đến thưa hỏi, nhưng con thấy phiền toái đã không đáp mà lại nổi tâm sân hận, vì vậy sau khi mạng chung, con đọa làm thân rắn ở trong hang này, tính đến nay đã một ngàn năm rồi. Ngày nay may mắn được gặp Tôn giả, được nghe giới pháp, nên con đến đây cảm tạ ngài.

Ngài hỏi: Trong núi này còn có ai nữa không?

Ông già đáp: Cách núi này mười dặm về phía Bắc có một tàng cây Đại thụ che cả năm trăm con rông lớn, người đứng đầu trong số đó tên là Long Thọ, ông ấy thường nói pháp cho rông nghe, con cũng thường đến đó nghe pháp.

Nghe thế rồi, ngài bèn dẫn đồ chúng đến nơi ấy. Long Thọ liền đi ra nghênh đón ngài rồi nói:

- Núi sâu vắng vẻ là nơi ở của rông rắn, Đại đức chí tôn đến đây làm gì cho nhọc công!

Ta chẳng phải là bậc Chí tôn, ta đến đây chỉ để học hỏi Hiền giả thôi mà!

Long Thọ lặng yên nghĩ thầm rằng: Ông thầy này đã chứng được Quyết định tánh, đạo nhân đã sáng chưa? Phải là bậc Đại thánh kế thừa chân tông chăng?

Ngài liền bảo: Tuy ông nghĩ thâm trong tâm nhưng ta đã biết cả rồi, chỉ cần ông xuất gia thì lo gì ta chẳng phải là Thánh!

Long Thọ nghe xong sấm hối, tạ lỗi. Ngài liền xuất gia và truyền trao giới pháp cho Long Thọ cùng năm trăm con rồng. Ngài lại bảo Long Thọ rằng: Nay ta đem đại Pháp nhãn tạng của Như Lai phó chúc cho ông, hãy nghe ta nói kệ đây:

*Pháp chẳng ẩn chẳng hiện
Nói là chân thật tế
Ngộ pháp ẩn hiển này
Chẳng ngu cũng chẳng trí.*

Truyền pháp xong, ngài liền hiện thần thông biến hóa, dùng lửa tự đốt thân. Long Thọ cùng đồ chúng thấu lấy xá-lợi ngũ sắc dựng tháp an táng. Bấy giờ là năm Nhâm Thìn, nhằm đời Chu Noãn Vương năm thứ bốn mươi sáu.

Ất Ty: Vua cùng sáu nước đánh Tần, Chiêu vương nổi giận xua quân đánh Tây Chu. Vua hoảng sợ đầu hàng Tần, dâng hết đất đai. Năm ấy Tần sai tướng quân họ Cầu đánh Chu, cướp lấy cửu đỉnh. Vua Chu sinh bệnh mà chết. Trong tám trăm sáu mươi bảy năm ấy, có ba trăm hai mươi lăm năm được ghi chép trong Xuân Thu. Nhà Chu đến đây bị diệt vong.

Triều đại nhà Chu gồm ba mươi bảy đời vua, trị vì cả thảy tám trăm sáu mươi bảy năm.

NHÀ TẦN

Lôi Thị nói: Chiêu Tương, Hiếu Văn, Trang Tương, Thỉ Hoàng, Hồ Hợi, Tử Anh, triều đại nhà Tần có sáu đời vua trị vì được bốn mươi chín năm.

Bính Ngọ: Chiêu Tương Vương, tên là Tắc, con của Tuệ Văn Vương, họ Doanh. Vương Hỏa Đức đóng đô ở Hàm Dương (nay là Kinh triệu). Ông trị vì được năm năm. Đến khi Thỉ Hoàng lập Hồ Hợi là hết. Ông xưng bá được năm mươi một năm.

Tân Hợi: Thế Tôn diệt độ được bảy trăm năm.

Hiếu Văn Vương: Tên là Mậu, con của Chiêu Vương. Năm đầu tiên lên ngôi, ông tu chỉnh lại công thần của tiên vương, hậu đãi vương thân quốc thích, bày ra vườn tược để giải tang chế! Ông trị vì được ba tháng, vận số là một năm.

Nhâm Tý: Trang Tương Vương: Tên là Sở, con của Hiếu Văn

Vương. Ông dùng Lã Bất Vi làm tướng, trị vì được ba năm. Năm sau (Quý Sửu) có nhật thực.

TẦN THỈ HOÀNG: (Ất Mão)

Tên là Chánh, con của Trang Tương Vương. Ông sinh ngày một tháng giêng năm thứ bốn mươi tám đời Chiêu Vương, tại Hàm đan. Năm mười ba tuổi, Trang Tương mất, ông lên kế ngôi làm Tần Vương, tự lấy hiệu là Thỉ Hoàng, với ý định làm chủ thiên hạ đến muôn đời, ông tự xưng mình là Trẫm, sửa đổi niên hiệu. Phẩm vật triều cống, được theo phép mới bắt đầu từ ngày một tháng hai. Y phục cờ xí vẫn giữ nguyên màu đen. Đặt ra chức thủ úy giám, xây Trường thành, gọi dân là hắc thủ (đầu đen, dân đen); dùng Lã Bất Vi, Triệu Cao, Lý Tư làm tướng văn, Mông Điền, Dạch Khởi, Vương Tiễn làm tướng võ, ông thôn tính sáu nước thống nhất thiên hạ. Chia đất nước thành ba mươi sáu quận. Từ đó về sau ông càng kiêu căng, phóng túng, chu du khắp thiên hạ. Lần chu du đến Cối kê, Lăng gia, trở về đến Sa khâu thì bỗng phát bệnh. Tháng bảy năm Bính Thân, ông mất ở Bình đài, thọ năm mươi tuổi, trị vì được ba mươi bảy năm.

Giáp Tý bốn mươi một: Vua hạ lệnh đuổi khách của chư hầu, Lý Tư can ngăn, ông mới thôi không đuổi nữa.

Tân Mùi: Tiêu diệt Hàn.

Quý Dậu: Tiêu diệt Triệu.

Bính Tý: Tiêu diệt Ngụy.

Mậu Dần: Tiêu diệt Sở.

Kỷ Mão: Bắt sống vua nước Yên là Hy.

Canh Thìn: Tiêu diệt Tề.

Nhâm Ngọ: Năm thứ hai mươi tám, vua tuần thú các quận huyện ở phía Đông, lên đến vùng núi Trâu dịch, đất Lang gia, khắc vào vách đá để ca tụng đức. Lại lên núi Thái dựng đá, phong miếu thờ. Khi ấy gặp lúc gió mưa, ông bèn tránh mưa dưới cây Tùng. Nhân đó ông phong cây Tùng chức ngũ đại phu. Ông lại sai Từ Phúc cầu tiên.

SA MÔN THẤT LỢI PHÒNG ... mười tám hóa nhân

Sa-môn Thất Lợi Phòng... cả thấy mười tám người từ Tây Vực đến Trung Quốc, nhà vua rất ghét những người khác tộc này nên bắt nhốt hết trong ngục. Bỗng có vị thần Kim cang đập tan cửa ngục rồi đưa họ ra ngoài. Vua thấy thế vô cùng sợ hãi, từ đó hậu đãi họ. Thời bấy giờ quốc sự rối bời, lòng người chẳng thuận.

Đình Hối: Xây Trường thành.
 Mậu Tý: Đốt sách.
 Kỷ Sửu: Chôn học trò, dựng cung A Phòng.

TỔ 14: LONG THỌ TÔN GIẢ:

Ngài còn có tên là Long Thắng, sinh trưởng tại miền Tây Ấn Độ. Sau khi đắc pháp với Tôn giả Tỳ-ma-la, ngài vân du hoàng hóa đến vùng Nam Ấn. Dân chúng xứ này hầu hết chỉ sùng tín phước nghiệp. Khi nghe Tôn giả diễn nói diệu pháp, họ bảo nhau rằng: Bọn ta chỉ có phước nghiệp thế gian là trên hết, chỉ nói suông về Phật tánh nhưng có ai thấy được Phật tánh đâu?

Ngài nói: Các ông muốn thấy được Phật tánh, thì trước tiên hãy dứt bỏ tâm ngã mạn.

Họ liền hỏi: Thế Phật tánh lớn hay nhỏ?

Ngài đáp: Nó chẳng lớn, chẳng nhỏ, chẳng rộng, chẳng hẹp, không phước, không báo, chẳng chết, chẳng sống.

Khi nghe ngài diễn nói lý tối thắng, họ đều chuyển tâm. Từ ngay pháp tòa, ngài liền hóa thân tự tại như vầng trăng tròn, tất cả mọi người chỉ nghe pháp âm mà chẳng thấy hình bóng ngài đâu cả. Bấy giờ trong chúng ấy có một người con của trưởng giả, tên là Ca-na-đề-bà hỏi dân chúng rằng:

- Các ông biết tướng đó chẳng?

Họ đáp:

- Mắt chưa từng thấy, làm sao nói biết được.

Đó chính là Tôn giả hiện thể tướng của Phật tánh cho chúng ta thấy đấy! Vì sao biết chắc như vậy? Bởi vì Vô tướng Tam-muội giống như mặt trăng tròn, nghĩa là Phật tánh rộng rang như bầu trời sáng rõ.

Đề-bà nói dứt lời, mặt trăng ấy liền ẩn mất, Tôn giả về lại bồn tòa rồi nói kệ rằng:

Thân hiện tướng trăng tròn

Để bày thể chư Phật

Nói pháp không hình thể

Để thấy không thanh, sắc.

Nhóm người ấy nghe kệ xong đều cầu xin ngài xuất gia, cầu đạo giải thoát. Thế rồi ngài xuống tóc và thỉnh Thánh tăng truyền giới pháp cho họ.

Trong nước này trước đây có một ngoại đạo, dạy cho hơn năm ngàn người biết làm huyền thuật. Dân chúng đều rất tôn sùng ông. Thế

mà Tôn giả đã cảm hóa được tất cả khiến họ hồi tâm quy y Tam bảo.

Sau này ngài trước tác các bộ luận như Đại Trí Độ Luận, Trung Luận, Thập Nhị Môn Luận lưu truyền cho hậu thế.

Một hôm ngài gọi vị đệ tử thượng thủ của mình là Ca-na-đề-bà đến và dặn dò rằng: Nay ta đem đại Pháp nhãn tạng của Như Lai giao phó cho ông, hãy nghe ta nói kệ đây:

*Để rõ pháp ẩn hiện
Mới nói pháp giải thoát
Với pháp tâm chẳng chứng
Không giận cũng không vui.*

Truyền pháp xong, ngài nhập vào Nguyệt luân Tam-muội, hiện đủ thần biến, rồi trở về lại bản tòa an nhiên nhập diệt. Ca-na-đề-bà cùng bốn chúng dựng bảo tháp an trí chân thân ngài. Bấy giờ là năm Kỷ Sửu, nhằm đời Tần Thủy Hoàng năm thứ ba mươi lăm.

Nhâm thìn: Nhị thế Hồ Hợi: Con thứ của Thủy Hoàng. Khi vua mất, Lý Tư giấu kín, chỉ có Triệu Cao và Hồ Hợi biết tin. Triệu Cao làm di chiếu giả, giết Phù Tô lập ông lên làm vua. Hồ Hợi lên ngôi năm hai mươi một tuổi, trị vì được ba năm.

Quý Ty: Lưu Quý khởi binh ở đất Bái, Hạng Vũ khởi binh ở Giang Đông, thống lĩnh chư hầu cùng đánh Tần. Trần Thắng, Ngô Quảng cũng khởi binh, thiên hạ đại loạn.

Giáp Ngọ: Vua bị Triệu Cao giết tại cung Vọng di.

Tam Thế Tử Anh: Con của Phù Tô. Đầu tiên Triệu Cao sai Tế Diêm Lạc giết Nhị Thế, giành lấy ngọc tỷ, nhưng trăm quan chẳng ai phục tùng. Quân tướng xông lên điện, có ba người muốn giết ông. Triệu Cao biết ngôi vua không thể về tay mình, bèn lập Tử Anh lên ngôi. Tử Anh giết Triệu Cao tại Tề cung, tru di cả ba họ.

Sau đó Bái Công dẫn quân vào đến Quan trung, Tử Anh liền đưa cỗ chịu tội, dâng ngọc tỷ, ngựa trắng, xa giá đều hàng Bái Công ở ngoài thành. Tử Anh làm vua được bốn mươi sáu ngày. Bái Công vào đến Hàm Dương, ra lệnh niêm phong cung thất, kho đụn, rồi dẫn quân ra Bá thượng. Hạng Vũ vào đến Quan trung liền giết Tử Anh. Nhà Tần đến đây chấm dứt.

Tần Thủy Hoàng năm thứ hai sáu, thống nhất thiên hạ, ở ngôi vua được mười lăm năm, sau bị nhà Hán diệt.

TÂY HÁN VĂN ĐẾ:

Lôi Thị nói: Nhà Hán từ Cao, Tuệ, Lã, Văn, Cảnh, Vũ, Chiêu,

Xương, Ấp, Tuyên, Nguyên, Thành, Ái, Bình, Nhụ cả thảy mười bốn đời vua, trị vì hai trăm mười bốn năm.

Ất Mùi: Cao Tổ: Tên là Bang, tự là Quý, họ Lưu. Vương Hỏa Đức trị vì mười hai năm. Ban đầu dùng chính sách nhà Tần. Thái sơ năm đầu chuyển qua dùng chính sách nhà Hạ. Ông đóng đô ở Trường An (nay là Kinh triệu). Ông sinh ra và lớn lên tại làng Trung dương, Phong bá. Người ông có sống mũi cao, mặt rồng (tướng của vua), bắp đùi bên trái có bảy mươi hai nốt ruồi đen. Ban đầu ông làm đình trưởng ở Tứ thượng, đan phụ Lã Công gả con gái cho ông. Nhân một hôm ông dẫn tội phạm về triều, nhưng qua khỏi Ky sơn đến Phong tây thì ông phóng thích hết. Trong số đó có mười tám tráng sĩ tình nguyện đi theo ông. Thế rồi ông dẫn bọn họ đến khu đầm trong núi, chém chết con bạch xà nằm ngang giữa đường. Sau đó người ta thấy có một bà lão khóc than rằng: Ôi! Bạch đế con ta bị Xích đế chém chết rồi!

Tần Nhị Thế năm đầu, từ áo vải khởi binh đất Bái và sau này đã diệt được nhà Tần lập ra nhà Hán. Ông dùng Tiêu Hà làm tướng văn, Hàn Tín là tướng võ, Trương Lương làm mưu sĩ. Ba người ấy là Tam Kiệt của nhà Hán. Ông cùng họ diệt Hạng Vũ ở Ô giang. Ông sinh vào đời Tần Chiêu Vương năm thứ bốn mươi sáu, thọ sáu mươi hai tuổi. Ông bình định được thiên hạ sau mối loạn nhà Tần. Tháng tư năm Đinh Mùi, ông mất tại cung Trường Lạc, an táng tại Trường lăng.

Tây Sở Bá Vương Hạng Vũ: Tên là Tịch người ở Hạ Tương, là cháu của tướng Sở là Hạng Yên. Ông cao tám thước, mắt có hai đồng tử, sức của ông có thể nhổ cả núi, nhắc nổi đỉnh, anh em của Ngô Trung rất kiêng nể ông.

Tần Nhị Thế năm đầu, theo Lưu Bang và cha là Hạng Lương khởi binh tiến đánh phía Đông, ba năm sau thì diệt được Tần, tự lấy hiệu là Tây Sở, đóng đô ở Bành thành. Làm vua được năm năm, bấy giờ nhà Hán hội họp chư hầu ở Cai hạ, nổi lên đánh ông, đuổi đến Ô giang, cùng đường ông đành tự vẫn.

Bính Thân: Tháng mười năm thứ hai, năm ngôi sao tụ lại ở giếng phía Đông. Tháng mười một vua triệu tập các phụ lão trong huyện đặt ra ba chương hình pháp. Kẻ nào phạm tội giết người thì bị tội chết. Kẻ nào làm tổn thương hoặc đàn áp người khác thì bị trách tội. Ông bãi bỏ hết hình pháp nhà Tần. Năm đó, Hạng Vũ sai Anh Bố giết Nghĩã Đế ở huyện Sâm.

Đinh Dậu: Diệt ba nước Hàn, Triệu Ngụy.

Mậu Tuất: Diệt Tề.

Kỷ Hợi: Diệt Yên, ông cùng Hạng Vũ giao ước lấy Hồng Cấu làm ranh giới chia đôi thiên hạ.

Canh Tý: Hội họp chư tướng vây Hạng Vũ ở Cai hạ, Ngu Cơ tự vẫn.

Tân Sửu: Đổi Hàm Dương thành Trường An.

Đình Mùi: Hiếu Tuệ Doanh: Tự là Nhật Mãn, con của Cao Tổ, mẹ là Lã Thị. Năm mười bảy tuổi lên ngôi, thấy mẹ quá tàn ác, bèn sai người đến xin thái hậu rằng: “Con quyết không thể cai trị thiên hạ”. Thế rồi ông lao vào tử sắc, đâm lặc. Tháng tám năm Giáp Dần mất ở cung Vị Ướng, được an táng ở An lăng, thọ hai mươi bốn tuổi. Ông trị vì được bảy năm. Bảy giờ mới có ống Địch (Do Khâu Trọng làm ra, Địch có nghĩa là rửa sạch, rửa sạch các thứ tà uế, thay vào đó là các thứ tao nhã, ngay thẳng. Long địch có bảy lỗ, Trúc địch có năm lỗ và Khương địch có ba lỗ).

Quý Sửu: Vua xây dựng Trường An, chợ phía Tây, chỉnh sửa lại kho đụn.

Giáp Dần: Cao Hậu: Tên là Trĩ, họ Lã, con gái của Đan Phụ Lã Công. Thiếu Đế còn nhỏ, thái hậu lâm triều giải quyết triều chính, lập Chư Lã làm vương, muốn làm chủ thiên hạ. Nhiều lần gây thù với họ Lưu. Lưu Chương, Chu Bột giết Chư Lã. Bà trị vì được tám năm, thọ bảy mươi một tuổi.

Ất Mão: Đất chấn động. Tháng sáu có nhật thực. Phát hành đồng tiền bảy thù.

Bính Thìn: Mùa Thu thấy sao xuất hiện vào ban ngày.

Mậu Ngọ: Năm thứ năm, Nam Việt Vương tự xưng Vũ Đế.

Kỷ Mùi: Mùa Xuân, thấy sao xuất hiện vào ban ngày. Phát hành đồng tiền năm phân.

Canh Thân: Tháng giêng có nhật thực.

Nhâm Tuất: Văn Đế tên là Hoàn, con thứ của Cao Tổ, mẹ là Bạc Cơ. Ban đầu Lã Hậu phong Chư Lã làm vua. Trần Bình, Chu Bột, Lưu Chương giết Chư Lã cùng ba ngàn người khác rồi lập Văn Đế. Tính ông khoan dung, ôn hòa, thận trọng, liêm khiết, ăn mặc không xa hoa, nên thời bấy giờ bá tánh rất giàu có lại an vui. Từ khi lên ngôi, ông đã xuống hai mươi bảy chiếu chỉ làm lợi nước an dân. Ông mất năm Giáp Thân tại cung Vị Ướng, an táng tại Bá lăng, thọ bốn mươi sáu tuổi, ông trị vì được hai mươi ba năm.

Giáp Tý bốn mươi hai: Văn Đế năm thứ ba.

TỔ 15: CA NA ĐỀ BÀ:

Ngài họ Tỳ-xá-la, sinh trưởng tại Nam Ấn Độ. Ban đầu ngài thích làm phước thiện, rất giỏi về tài biện luận. Về sau, ngài gặp được Long Thọ Đại sĩ. Vừa bước đến cửa, Long Thọ biết đây là người trí, bèn sai thị giả múc một bát nước đầy để ở ngay lối vào. Đề-bà thấy thế bèn lấy cây kim bỏ vào bát nước rồi tới thẳng yết kiến Tổ. Thầy trò gặp nhau vui vẻ lãnh hội. Long Thọ liền giảng pháp cho ngài nghe. Long Thọ chẳng rời khỏi tòa mà hóa hiện thành tướng trắng tròn, chỉ nghe tiếng thuyết pháp mà chẳng thấy Tổ đâu cả. Ngài bảo mọi người rằng: Điềm lành này là Tổ muốn nêu bày Phật tánh để chứng minh rằng thuyết pháp chẳng có hình tướng.

Sau khi đắc pháp ngài đến nước Tỳ-la để thuyết pháp giáo hóa. Trong nước ấy có ông Trưởng giả tên là Phạm Ma Tịnh Đức. Một hôm trong vườn nhà ông nảy sinh một thứ nấm lạ, mùi vị rất ngon. Thế nhưng chỉ có ông và người con thứ hai là La-hầu-la-đa là nhỏ được nấm, ngoài ra không ai nhỏ được cả. Hai người cứ nhỏ ăn hoài mà nấm chẳng hết.

Bấy giờ ngài biết được tíc nhân của trưởng giả nên liền đến nhà ông. Gặp ngài trưởng giả hỏi duyên cớ vì sao như vậy, thì ngài đáp: Thuở xưa, nhà ông từng cúng dường cho một Tỳ-kheo, thế nhưng Tỳ-kheo ấy đạo nhân chưa sáng, luống nhận của tín thí, cho nên phải thọ quả báo làm cây nấm. Lúc đó chỉ có ông và con ông tinh tấn cúng dường, nên ngày nay chỉ có hai người hưởng phước, mọi người còn lại thì không hưởng được.

Ngài lại hỏi: Trưởng giả năm nay đã bao nhiêu tuổi rồi?

- Dạ bảy mươi chín tuổi.

Tôn giả bèn nói kệ:

*Nhập đạo chẳng thông lý
Thọ thân đền tín thí
Khi ông tám mươi một tuổi
Cây này thôi sinh nấm.*

Trưởng giả nghe ngài nói xong khắp khởi vui mừng, vô cùng tán phục, ông nói:

- Con nay đã già yếu không thể theo hầu hạ ngài được, con xin cho thằng con thứ hai theo thầy xuất gia, mong thầy hứa khả.

Ngài nói: Xưa Như Lai thọ ký cho đứa trẻ này trong năm trăm kiếp thứ hai sẽ làm đại giáo chủ. Nay gặp nhau đây thật là khế hợp với duyên xưa.

Thế rồi ngài xuống tóc và cho La-hầu-la-đa theo làm thị giả.

Ngài hoàng hóa đến thành Ba-liên-phát, gặp lúc ngoại đạo ở đây hưng thịnh, từ lâu đã làm cho Phật pháp lu mờ. Ngài bèn cầm trường phan vào thẳng trong chúng ngoại đạo, bọn họ hỏi ngài rằng:

- Sao ông không đến trước?
- Sao ông không đến sau?
- Ông giống một người hèn.
- Ông giống một người tốt.

Bọn họ lại hỏi:

- Ông hiểu được pháp gì?
- Ông chẳng hiểu pháp gì cả.
- Tôi muốn được làm Phật.
- Rõ ràng tôi đã được làm Phật.
- Ông chẳng hợp với Phật.

Ngài nói: Ta đã chứng đắc nguyên đạo, con ông chẳng được gì cả.

- Tôi vốn chẳng được, thì làm sao nói được.

Ngài nói: Sở dĩ ông có ngã nên trọn không chứng đắc, do ta vô ngã nên tự nhiên chứng được.

Người ấy cảm tạ ngài và chịu khuất phục, bèn hỏi ngài rằng:

- Thế ông tên gì?
- Ta tên là Ca-na-đề-bà.

Ngoại đạo này vốn từ lâu đã được nghe danh ngài nên liền đánh lễ, sám hối. Bấy giờ trong chúng hội ấy cũng vẫn còn cùng nhau vấn nạn. Ngài dùng biện tài vô ngại hàng phục tất cả, do đó ngoại đạo đều quy phục.

Một hôm ngài gọi đệ tử Thượng thủ La-hầu-la-đa đến dặn dò rồi truyền Pháp nhãn tạng, ngài thuyết kệ:

*Xưa đối người truyền pháp
Diễn nói lý giải thoát
Với pháp thật không chứng
Không cuối cũng không đầu.*

Nói kệ xong, ngài nhập Phấn tấn Tam-muội an định thân tâm. Phóng tám luồng hào quang rồi quy tịch. La-hầu-la-đa cùng bốn chúng xây tháp cúng dường. Bấy giờ là năm Canh Thìn, nhằm đời Tiền Hán Văn Đế năm thứ mười chín.

Ất Dậu: Cảnh Đế: Tên là Khải, con của Văn Đế, mẹ ông họ Đậu, ba mươi hai tuổi lên ngôi, rất thích tư tưởng của Hoàng Tử và Lão Tử. Ông ra lệnh cho mọi người trong cung phải đọc tụng hai bộ sách ấy.

Nhân đó ông đổi hai bộ sách này thành kinh. Năm Canh Tý, ông mất ở cung Vị Ương . An táng tại Dương lăng, thọ bốn mươi tám tuổi. Ông trị vì được mười sáu năm.

Đinh Hợi: Ba năm dùng chánh sách của Triệu Thố nên bảy nước chư hầu làm phản. Ông sai Chu Á Phu đem ba mươi sáu tướng dẹp loạn chư hầu. Sau ông dùng mưu của Viên Áng, chém Triệu Thố để tạ lỗi bảy nước chư hầu. Thiên hạ nhờ đó được thái bình.

Tân Hợi: Thế Tôn diệt độ tám trăm năm.

Mậu Tuất: Vua bãi bỏ hình pháp đánh bằng roi, định lại hình pháp đáng bằng trượng. Ông sợ Chu Á Phu có công lớn (nên muốn giam Phu vào ngục, Phu hộc máu mà chết).

VŨ ĐẾ:

Tên là Triệt, bắt đầu lập niên hiệu. Ông là con giữa của Cảnh Đế, mẹ là Vương phu nhân. Ông từng bói quẻ và quẻ ứng là bảy mươi hai thì hết mạng. Quả nhiên ông mất tại điện Ngũ tộ vào năm bảy mươi hai tuổi, an táng tại Mậu lăng. Ông lên ngôi năm mười bảy tuổi, trị vì được năm mươi bốn năm. Ông dựa theo Vận Lịch Đồ lấy Tân Sửu làm năm đầu. Bấy giờ Đông Phương Sóc làm chức Thái Sử.

Ất Tý: Vua thích phép tiên, ông rất kính trọng những người như: Phương Sĩ, Văn Thành, Ngũ Lợi... năm này vua đúc tiền nửa lượng. Ông rất ưa lấn đất, hiếu sát. Ông sai những người như Tư Mã Thiên... làm biên niên sử của Hán Thái Tổ, lấy tháng giêng làm tháng đầu năm. Y phục vẫn ưa chuộng màu vàng. Số thì dùng số năm, ông mở ra chức thái học, tu sửa lại nơi tế tự, định lại luật của âm nhạc làm ra thi nhạc, dựng phong, thiên để tế lễ quỷ thần. Sau khi nối nghiệp nhà Chu, hiệu lệnh, văn chương đều ghi chép lại rất rõ ràng.

Đinh Mùi: Đổi niên hiệu là Nguyên Quang.

Quý Sửu: Đổi niên hiệu là Quang Sóc.

Kỷ Mùi: Đổi niên hiệu là Quang Thú. Bấy giờ Vương An ở Hoài nam, Vương Tứ ở Hành sơn, rắp tâm làm phản hai người bị giết, đồng thời liên lụy đến mấy vạn người khác.

Canh Thân: Vua dùng Tôn Khoan làm tướng văn; Vệ Thanh, Hoắc Khứ Bệnh làm tướng võ. Phía Bắc thì chinh phạt Hung Nô, mở mang đất đai vùng Hà sóc, lại bình định mối loạn của Việt Vương ở phía Nam. Phía Đông thì chinh phục Triều Tiên đặt thành quận huyện, phía Tây thì chinh phục được năm nước. Bắt sống Côn Gia Vương và Hư Xà Vương. Sau đó sai Trương Khiên qua nước Thân Độc ở phía Tây để tìm giáo lý

nhà Phật. Cuối cùng ông ấy cũng tìm được.

Giáp Tý bốn mươi ba: Tháng tư vua bắt đầu làm bài cáo võ an muôn dân. Loại thư tịch này phát xuất từ đây.

Ất Sửu: Đổi niên hiệu là Quang Đỉnh.

TỔ 16: LA HẦU LA ĐA: (Mậu Thìn)

Ngài sinh trưởng tại nước Ca-tỳ-la. Sau khi đắc pháp ,ngài hoằng hóa đến thành Thất-la-phiệt. Nơi đây có con sông tên là Kim hà, nước rất sạch và ngọt. Giữa dòng sông lại hiện ra bóng của năm Đức Phật. Thấy thế, ngài bảo đồ chúng rằng: Thượng nguồn sông này cách đây khoảng năm trăm dặm, có vị Thánh nhân tên là Tăng-già-nan-đề hiện đang cư trú trên ấy. Xưa Phật từng nói: Một ngàn năm sau ông ấy sẽ tiếp nối dòng Thánh.

Nói xong ngài bèn dẫn đồ chúng ngược dòng đi lên. Đến nơi quả nhiên thấy Tăng-già-nan-đề đang tọa thiền. Ngài cùng đồ chúng phải đứng chờ. Đến hai mươi một ngày sau Nan-đề mới xuất định. Ngài bèn hỏi Nan-đề:

- Thân ông định hay tâm ông định?
- Thân tâm đều định.
- Thân tâm đều định, sao lại có xuất nhập?

Tuy có xuất nhập nhưng chẳng mất tướng định. Ví như vàng ở trong giếng thể của nó thường vắng lặng.

Ngài hỏi: Như vàng ở trong giếng và vàng ra khỏi giếng, thể của nó không có động tĩnh, thì vật gì ra vào?

Ông nói: Vàng không động tĩnh, thì vật gì ra vào, rõ ràng ông đã thừa nhận vàng có ra vào rồi, mà thể của vàng vốn chẳng phải động tĩnh.

Ngài hỏi: Nếu vàng ở trong giếng thì vật gì ra? Nếu vàng ra khỏi giếng thì vật gì ở trong giếng?

- Nếu vàng ra khỏi giếng thì vật trong giếng chẳng phải vàng.
- Nếu vàng ở trong giếng thì vật ra ngoài ấy, chẳng phải là vật.

Ngài nói:

- Nghĩa này không đúng.
- Nghĩa kia chẳng nhằm.
- Nghĩa này rơi rớt.
- Nghĩa kia chẳng thành.

Ngài nói: Nghĩa của ông không thành chủ nghĩa của ta thành rồi.

Nghĩa của ông tuy thành nhưng pháp vốn không có ngã.

Ngài nói: Nghĩa của ta thành nên ta không có ngã.

- Tôi cũng vô ngã thì thành nghĩa gì?

- Do ta vô ngã nên thành tựu nghĩa của ông.

Nan-đề hỏi lại: Nhân giả thờ vị Thánh nào mà được cái vô ngã đó?

Ngài nói: Thầy ta là Ca-na-đề-bà đã chứng đắc cái vô ngã này.

Nan-đề liền tán thán: Cúi đầu đánh lễ thầy ĐỀ-bà, người đã thành Nhân giả! Nhân giả là người vô ngã, nên con muốn thờ Nhân giả.

Ngài nói: Ta đã vô ngã, mà ông lại thấy có ngã. Nếu như ông muốn thờ ta thì phải biết ta vốn chẳng có ngã.

Nghe vậy, tâm Nan-đề bỗng nhiên rỗng rang, liền đánh lễ ngài và cầu xuất gia.

Ngài bảo: Tâm ông tự tại, đâu phải do ta trói buộc!

Nói xong ngài dùng tay phải nâng bình bát vàng lên đến Phạm cung, lấy cơm thơm trên cõi ấy về phân phát cho đại chúng. Thế nhưng mọi người bỗng sinh tâm nhàm gớm.

Ngài nói: Đó không phải là lỗi của ta mà bản nghiệp của họ chiêu cảm thế thôi.

Sau đó ngài sai Tăng-già-nan-đề phân tòa và hai thầy trò cùng ăn. Mọi người thấy thế rất lấy làm lạ. Ngài bèn nói:

- Sở dĩ các ông không ăn được là do khởi cái tâm đó. Các ông nên biết rằng người cùng ngồi ăn với ta hiện nay chính là Bà-la Thọ Vương Như Lai trong quá khứ. Ông ấy vì xót thương hữu tình nên giảng thế. Trong Trang nghiêm kiếp, bọn ông đã chứng đến quả thứ ba nhưng chưa chứng vô lậu quả.

Đại chúng nghi hoặc nói: Với thần lực của thầy thì có thể tin được, nhưng nói người kia là Phật trong quá khứ thì thật đáng nghi ngờ.

La-hầu-la-đa biết đại chúng sinh tâm ngã mạn, ngài bèn nói: Thế Tôn còn trụ thế thì thế giới bằng phẳng, không có gò, nổi, sông, khe, mương, rạch, nước đều có vị ngọt, cây cối đều sum sê, quốc độ đều giàu có, không có tám thứ khổ, người người đều thực hành mười điều thiện. Từ khi Phật Niết-bàn tại Song lâm đến nay đã trải qua hơn tám trăm năm. Thế giới bấy giờ gồ ghề, cây cối héo úa, con người đánh mất tín tâm, chánh niệm ngày càng mai một. Họ chẳng tin Chân như, lại ưa thích thần lực.

Nói xong ngài dùng tay phải thọc sâu xuống lòng đất đến lớp Kim cang luân, lấy nước Cam lồ, đựng trong bình lưu ly đem về giữa chúng

hội. Mọi người nhìn thấy liền khâm phục, đảnh lễ sám hối.

Bấy giờ ngài gọi Tăng-già-nan-đề đến dặn dò rồi truyền trao pháp nhãn. Ngài nói kệ:

*Nơi pháp thật không chứng
Chẳng giữ cũng chẳng là
Chẳng có tướng có, không
Trong ngoài nương đâu khởi?*

Truyền pháp xong, ngài an nhiên thị tịch. Nan-đề cùng bốn chúng dựng tháp cúng dường. Bấy giờ là năm Mậu Thìn. Nhằm đời Tiền Hán Vũ Đế năm thứ hai mươi tám.

Tân Mùi: Đổi niên hiệu là Nguyên Phong.

Đình Sửu: Đổi niên hiệu là Thái Sơ.

Tân Ty: Đổi niên hiệu là Thiên Hán.

Ất Dậu: Đổi niên hiệu là Thái Thỉ.

Kỷ Sửu: Đổi niên hiệu là Chinh Hòa.

Canh Dần: Vu Tào làm loạn, Giang Sung... trói Tào ở cung Thái tử. Thái tử và hoàng hậu lập mưu chém chết. Sung và Thừa ướng Lưu Khuất Ly đại chiến ở Trường An, người chết trận có đến mấy vạn.

CHIÊU ĐẾ: (Ất Mùi)

Tên là Phát, con của Vũ Đế, mẹ là Triệu Tiệp Dư. Ông lên ngôi năm chín tuổi. Bấy giờ Hoắc Quang nhận di chiếu, dùng Chu Công phụ chánh. Đến tháng tư năm Mậu Thân, ông mất tại cung Vị Ương, an táng ở Bình lăng, thọ hai mươi hai tuổi. Ông trị vì được mười ba năm, đổi niên hiệu là Thỉ Nguyên.

Tân Sửu: Đổi niên hiệu là Nguyên Phụng. Năm này An cùng Hoắc Quang tranh quyền, cuối cùng vua cũng biết được Quang là người trung liệt.

Đình Mùi: Đổi niên hiệu là Nguyên Bình.

TỔ 17: TĂNG GIÀ NAN ĐỀ:

Ngài là Hoàng tử con vua bảo Trang Nghiêm ở thành Thất-la-phiệt. Ngài sinh chưa bao lâu đã biết nói và thường khen ngợi những việc Phật pháp. Năm bảy tuổi ngài chán thú vui ở đời, dùng kệ xin cha mẹ xuất gia:

*Cúi đầu lễ cha lành
Cung kính lạy mẹ hiền
Nay con muốn xuất gia*

Xin sót thương hứa khả.

Cha mẹ ngài ra sức cấm cản, không cho. Ngài liền nhịn ăn cả ngày nài nỉ cho được. Cuối cùng cha mẹ ngài cũng đồng ý cho xuất gia với điều kiện ở riêng trong cung, với hiệu là Tăng-già-nan-đề. Cha mẹ ngài lại mời Sa-môn Thiên-lợi-đa về dạy Phật pháp. Cứ thế ngài tu hành trong mười chín năm, chưa từng lười mỏi, ngài thường tự suy nghĩ: Thân còn ở trong Vương cung làm sao gọi là xuất gia được.

Nhân một buổi chiều khi hoàng hôn dần khuất, ngài chợt thấy có một con đường bằng phẳng, bỗng nhiên ngài cứ từ từ mà tiến tới. Đi được hơn mười dặm, phía trước hiện ra một ngọn núi, trong núi có một cái hang, ngài bèn vào tọa thiền trong ấy.

Cha mẹ ngài biết mất con, vua liền đuổi Thiên-lợi-đa ra khỏi nước. Ngài cho người tìm kiếm khắp nơi nhưng chẳng tìm ra tung tích.

Trải qua mười năm sau, sau khi ngài được đắc pháp và được thọ ký, ngài hoàng hóa đến nước Ma-đê.

Một hôm bỗng có một luồng gió mát lạnh thổi đến, tất cả đồ chúng ai nấy đều cảm thấy sáng khoái vô cùng, nhưng chẳng biết nguyên do, ngài nói: Đây là ngọn gió đạo đức, sẽ có Thánh nhân ra đời tiếp nối ngọn đèn của Tổ.

Nói xong ngài dùng thần lực dẫn cả chúng hội băng ngang qua núi. Chỉ trong tích tắc, cả chúng đều đến dưới một ngọn núi. Ngài bảo đồ chúng: Trên đỉnh núi này có mây màu tía giống như cái lọng, chắc chắn Thánh nhân cư trú trên ấy.

Thế rồi thầy trò vượt qua những con đường núi quanh co, phải mất khá lâu mới lên tới đỉnh. Đến nơi ngài thấy có một ngôi nhà trên núi, lại thấy một đồng tử cầm một cái gương tròn lớn đi thẳng về phía ngài, ngài bèn hỏi:

- Người bao nhiêu tuổi rồi?
- Dạ một trăm tuổi.
- Người bé thế này sao trăm tuổi được?
- Tôi chẳng cần biết, đúng một trăm tuổi mà.
- Người có căn lành hay chẳng?
- Phật nói: Người sống trăm tuổi mà chẳng hiểu cơ duyên chư Phật, chẳng bằng chỉ sống ngày mà hiểu thấu tột cùng.
- Vật người cầm trong tay, ý muốn nói gì?

Gương tròn lớn chư Phật

Trong ngoài không vết nhơ

Hai người cùng được thấy

Tâm mắt thấy như nhau.

Cha mẹ thấy đứa con mình ứng đối như vậy liền đồng ý cho con xuất gia. Ngài nhận đứa bé ấy dẫn về chỗ của mình, xuất gia, truyền giới và lấy hiệu là Già-da-xá-đa.

Một hôm gió thổi linh treo trên điện Phật phát ra tiếng, ngài hỏi:

- Linh kêu hay gió kêu?

Xá-đa đáp: Chẳng phải gió, chẳng phải linh, mà tâm con kêu đấy.

- Vậy tâm ông lại là cái gì?

- Thấy đều vắng lặng.

Ngài khen: Hay thay! Hay thay! Người kế thừa đạo của ta chẳng phải ông thì còn ai nữa! Ngài liền phú pháp cho Xá-đa và nói kệ:

Đất tâm vốn không sinh

Do đất từ duyên khởi

Duyên, giống chẳng ngại nhau

Hoa trái cũng như thế.

Truyền pháp xong, ngài dùng tay phải nắm nhánh cây mà thị tịch.

Đồ chúng cùng nói: “Thầy ta thị tịch dưới tàng cây, cũng là điếm che mát cho kẻ mai hậu vậy”. Toàn chúng định đem toàn thân của ngài lên vùng đất cao mà dựng tháp, nhưng sức lực của chừng ấy người vẫn nâng không nổi, nên dựng tháp ngay dưới tàng cây ấy. Bấy giờ là năm Đinh Mùi, nhằm đời Tiền Hán Chiêu Đế năm thứ mười ba.

Mậu Thân: Xương Ấp Vương: Tên là Hạ, con của Ai Vương, cháu của Vũ Vương, ông trị vì được hai mươi bảy ngày. Ông vốn nông cuồng phóng túng, hoang dâm vô độ, phạm đến một ngàn một trăm hai mươi bảy tội. Bấy giờ Hoắc Quang và Điền Diên Niên thừa với thái hậu lột lấy ngọc tủy, đui không cho làm vua. Xương Ấp bị giáng xuống làm Hải Hôn Hầu. Sau giết Xương Ấp, quần thần có đến hơn hai trăm người không có khả năng phụ chính. Lúc ấy chỉ có Vương Kiết Cung có mấy lời can ngăn nên được miễn tội.

TUYÊN ĐẾ:

Tên là Tuân, ông đổi niên hiệu là Bản Thỉ, ông là Tăng Tôn của Vũ Đế, cháu của thái tử Lệ, vừa sinh ra dưới chân đã có lông. Lúc đầu ông có tên là Bệnh Dĩ, khi thái tử bị mối loạn của Vu Tào, Dĩ còn nằm trong nôi, nhờ Bính Kiết cứu và nuôi ở Lữ đình. Ngoại Gia Hoắc Quang phế Xương Ấp, tâu với thái hậu rồi ra ngoài thành tìm ông, đón về làm

vua. Bấy giờ các phương xa đều đến triều cống, ông lấy hiệu là Trung Hưng chủ. Tháng mười hai năm Nhâm Thân, ông mất ở cung Vị Ương, thọ bốn mươi ba tuổi, an táng tại Đổ lăng. Ông trị vì được hai mươi bốn năm. Thời bấy giờ một thạch lúa trị giá năm tiền.

Nhâm Tý: Đổi niên hiệu là Địa Tiết.

Bính Thìn: Đổi niên hiệu là Nguyên Khang.

Canh Thân: Đổi niên hiệu là Thần Tước.

Giáp Tý bốn mươi bốn: Đổi niên hiệu là Ngũ Phụng.

Mậu Thìn: Đổi niên hiệu là Cam Lô.

Tân Mùi: Vua lớn lên trong nhân gian, nên hiểu được cảnh đói nghèo tật bệnh của họ. Ngụy Tương, Bính Kiết làm tướng văn, Hoàng Bá, Cung Toại làm thái thú. Theo lời tâu của Cảnh Thọ Xương, nên vua hằng ngày ban cơm để cứu giúp dân nghèo.

Năm này Thế Tôn đã diệt độ được chín trăm năm.

LUẬN SƯ VÔ TRƯỚC, THIÊN THÂN:

Thời bấy giờ trong nước Phú-lậu-xoa thuộc Bắc Thiên Trúc có một đại Luận sư tên là Kiều-thi-ca. Ba người con ông đồng một hiệu là Bà-tô-bàn-đậu, Hán dịch là Thiên Thân. Con trưởng tên là A-tăng-khư, Hán dịch là Vô Trước. Ngài là người đầu tiên xiển dương giáo nghĩa Đại thừa. Tại đại giảng đường trong nước A-du-xà, quốc vương này đã thỉnh Bồ-tát Di-lặc giảng thuyết Du-già luận. Nội dung nói rất rõ về năm phần và nghĩa của mười bảy Địa.

Người con thứ tên là Phạt-tô-bạn-tẩu, Hán dịch là Thế Thân. Trước kia ông học giáo lý Tiểu thừa, viết Câu-xá Luận, về sau ông theo anh ông diễn thuyết Chân tông, viết những bộ luận như Duy Thức... nghiên cứu rất sâu về nghĩa Đại thừa.

Người con nhỏ nhất tên là Tử lân trì Phất-bà-đề, Hán dịch là Sư Tử Giác. Ông này soạn Tập Luận, giải thích rất sâu rộng về nghĩa lý Đại thừa.

Kỳ lạ thay! Ba người đều hoàng dương trung đạo, danh tiếng vang dội khắp năm xứ, rừng Chiên-đàn vi diệu đâu thể dung chứa gai góc. Một đời tri túc, về nguồn đúng hẹn, giảng thế luận đạo huyền, tung tích khó tường tận.

Nhâm Thân: Đổi niên hiệu là Hoàng Long.

Quý Dậu: Nguyên Đế: Tên là Thích, con của Tuyên Đế, lên ngôi năm hai mươi bảy tuổi, ông đổi niên hiệu là Sơ Nguyên. Tháng năm năm Mậu Tý, ông mất ở cung Vị Ương, an táng ở Vị lăng, thọ bốn mươi

ba tuổi. Bấy giờ dùng Nho giáo, ông trị vì được mười sáu năm.

Mậu Dần: Đổi niên hiệu là Vĩnh Quang.

Quý Mùi: Đổi niên hiệu là Kiến Chiêu.

Mậu Tý: Đổi niên hiệu là Cảnh Ninh.

THÀNH ĐẾ: (Kỷ Sửu)

Tên là Ngao, tự là Thái Tôn, con của Nguyên Đế, hai mươi tuổi lên ngôi, đổi niên hiệu là Kiến Thi. Ông dùng Chư Cửu, Vương Phụng... làm liệt hầu, lại gia phong làm tướng văn. Bấy giờ ngũ hầu chuyên quyền, hiền thần đều lui về ở ẩn. Tháng ba năm Giáp Dần, ông mất ở cung Vị Ương, trị vì được hai mươi sáu năm, an táng ở Diên Lăng, thọ bốn mươi lăm tuổi.

Quý Ty: Đổi niên hiệu là Hà Bình.

Đinh Dậu: Đổi niên hiệu là Dương Sóc.

Tân Sửu: Đổi niên hiệu là Hồng Gia.

Thời bấy giờ đại phu Quang Lộc, Lưu Hương, Phó Ty xem trong Điển tịch thấy có kinh Phật rải rác trong ấy.

Kỷ Ty: Đổi niên hiệu là Vĩnh Thi.

TỔ 18: GIÀ DA XÁ ĐA:

Ngài họ Uất-đầu-lam, sinh trưởng tại nước Ma-đề, cha là Thiên Cái, mẹ là Phương Thánh. Bà có lần nằm mộng thấy vị Thần cầm cái gương sáng đến, nhân đó mà mang thai. Ngài ở trong thai bảy ngày thì ra đời. Thân thể ngài sáng như lưu ly, từ nhỏ chưa từng tắm rửa, mà thân thể vẫn thường sạch và có mùi thơm. Lúc nhỏ đã thích ở những nơi vắng lặng, lời nói tỏ ra chẳng phải trẻ con.

Một hôm ngài cầm tấm gương tròn sáng đi chơi, gặp Tôn giả Nan-đề và đặc pháp. Sau khi đặc pháp ngài dẫn đồ chúng du hóa đến nước Đại Nguyệt Thị.

Hôm nọ trên đường du hóa, ngài nhìn thấy trên nhà của một Bà-la-môn xuất hiện luồng khí rất lạ, ngài liền đi vào nhà ấy. Chủ nhà là Cưu-ma-la-đa mới hỏi ngài.

- Đây là đồ chúng của ai vậy?

- Đây là đệ tử Phật.

Người kia nghe nói đến Phật thì trong tâm bỗng nhiên vô cùng kính sợ, bèn chạy thẳng vào nhà và đóng sập cửa lại. Ngài đứng đợi giây lâu rồi đưa tay gõ cửa, La-đa từ trong nhà nói vọng ra:

- Nhà này không có người.

Ngài liền hỏi: Thế người trả lời không? Người đó là ai?

La-đa nghe nói biết ngài chẳng phải người thường bèn mở cửa mời ngài vào nhà. Ngài nói:

Xưa Thế Tôn thọ ký rằng: Sau khi ta diệt độ một ngàn năm sẽ có bậc Đại sĩ xuất hiện ở nước Nguyệt Thị. Ông ấy sẽ kế thừa việc hoàng pháp độ sinh. Hôm nay ông gặp ta quả đúng như vận may ấy.

Ngay lúc ấy Cưu-ma-la-đa phát được Túc mạng trí, liền đánh lễ xin xuất gia. Sau khi truyền cụ túc giới ngài truyền trao đại Pháp nhân cho La-đa và nói kệ:

*Có giống có đất tâm
Nhân duyên hay nảy mầm
Với duyên chẳng hề ngại
Hiện đời sinh chẳng sinh.*

Truyền pháp xong, ngài bay bổng lên hư không, hiện mười tám tướng biến hóa, dùng Hỏa quang Tam-muội tự đốt thân mình. Ma-la-đa cùng bốn chúng thâu lấy xá-lợi dựng tháp cúng dường. Bấy giờ là năm Mậu Thân, nhằm đời Tiên Hán Thành Đế năm thứ hai mươi.

Kỷ Dậu: Đổi niên hiệu là Nguyên Diên.

Quý Sửu: Đổi niên hiệu là Tuy Hòa.

Trong năm này, Đô thủy sứ giả Lưu Hưởng gom tập Liệt Tiên truyện, khi kiểm duyệt kho sách thấy có hơn sáu mươi quyển kinh Phật bằng tiếng Phạm, liền đem biên tập vào Tiên truyện. Như thế đủ biết, từ nhà Chu đến thời kỳ này con người chưa biết đến Phật pháp.

Ất Mão: Ai Đế: Tên là Hân, là thứ tôn của Nguyên Đế, con của Định Đào Cung Vương. Ông lên ngôi năm mười chín tuổi, đổi niên hiệu là Kiến Bình. Tháng sáu năm thứ sáu (Canh Thân) mất ở cung Vị Ương, an táng ở Nghĩa lăng, thọ hai mươi lăm tuổi, ông trị vì được sáu năm.

Kỷ Mùi: Đổi niên hiệu là Nguyên Thọ, năm này Cảnh Hiến đi sứ Tây Vực, vua nước Đại Nguyệt Thị, ra lệnh cho Mộc Tử Khẩu Đầu dâng kinh Phật.

Tân Dậu: Bình Đế: Tên là Diễn, là thứ tôn của Nguyên Đế, con của Trung Sơn Hiếu Vương Hưng. Mới ba tuổi được phong làm vua, ông đổi niên hiệu là Nguyên Thỉ. Tháng chín niên hiệu Nguyên Thọ thứ hai, ông lên ngôi, bấy giờ chỉ mới chín tuổi, quyền chính trong triều do Vương Mãng nắm giữ. Năm Kỷ Sửu, ông mất ở cung Vị Ương, an táng tại Khương lăng, thọ mười bốn tuổi. Ông trị vì được năm năm. Ông gia phong Vương Mãng làm đại tư mã, lại thăng lên chức thái phó, ban hiệu là An Hán Công.

Giáp Tý bốn mươi lăm: Vua lập con gái Vương Mãng làm hoàng hậu, Mãng được gia phong làm tể hành.

Bính Dần: Nhụ Tử Anh: Là Huyền tôn của Tuyên Đế, con của Quảng Thích Hầu Hiến. Khi Mãng chuốc thuốc độc giết Bình Đế thì Anh còn ở trong nôi, Anh lên ngôi năm hai tuổi. Ban đầu Vương Mãng phụ chánh theo kiểu của Chu Công, nhưng sự thật chẳng khác gì làm thiên tử. Bất quan dân phải xưng là thần (bê tôi), đến năm Mậu Thìn thì vua mất, ông trị vì được ba năm.

Mậu Thìn: Đổi niên hiệu là Sơ Thỉ. Năm này Vương Mãng đổi trá nguy tạo điềm lành rồi lên ngôi.

TÂN THẤT VƯƠNG MÃNG:

Ông họ Vương, đóng đô ở Trường An, tháng mười hai đổi niên hiệu là Kiến Bình.

Lôi thị nói: Mãng, Huyền, Bôn Tử trị vì cả thảy mười tám năm.

Kỷ Ty: Vương Mãng tự là Cự Quân, em của Vương Hoàng Hậu, cậu của Thành Đế, con của Vương Mạn, người ở Nguyên thành. Ban đầu được phong làm Tân Đô Hầu, dùng con gái làm Chánh Đế Hậu, sau soán đoạt ngôi vua. Ông lấy quốc hiệu là Đại Tân. Đến niên hiệu Đại Hoàng năm thứ tư, bị quân sư Hán Quang Vũ giết chết, ông trị vì được mười lăm năm, đổi niên hiệu là Kiến Quốc.

Giáp Tuất: Đổi niên hiệu là Thiên Phụng.

Canh Thìn: Đổi niên hiệu là Địa Hoàng.

TỔ 19 CƯU MA LA ĐA:

Ngài là con của Bà-la-môn ở nước Đại Nguyệt Thị. Khi xưa ngài làm chúng nhân ở cõi Tự tại thiên (cõi trời thứ sáu trong Dục giới), thấy Bồ-tát Anh Lạc thân tướng trang nghiêm liền khởi tâm ái, nên đọa xuống Đạo-lợi thiên (cõi trời thứ hai trong Dục giới). Ở đây ngài nghe đại Luận sư Kiều-thi-ca diễn thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa, cho đó là pháp thù thắng, nên được sinh lên Phạm thiên (Sắc giới). Do ngài là bậc lợi căn, giỏi diễn thuyết pháp yếu, nên chư Thiên tôn ngài là Đạo sư để kế vị Thiên chủ.

Bấy giờ tổ Già-da-xá-đa đến, ngài liền giáng sinh xuống nước Nguyệt Thị. Sau khi đắc pháp. Ngài hoàng hóa đến vùng Trung Ấn. Ở đây ngài gặp vị Đại sĩ tên là Xà-dạ-đa đến lễ bái và hỏi rằng: Nhà con cha mẹ đều kính tín Tam bảo nhưng sao lại gặp phải nhiều bệnh hoạn, làm việc gì cũng không được như ý muốn. Còn nhà hàng xóm gần con

từ lâu làm nghề đồ tể, nhưng thân thể thường khỏe mạnh, làm việc gì cũng thành đạt. Như vậy người kia có được may mắn gì, còn con sao lại bất hạnh đến như vậy?

Ngài liền giải thích: Việc ấy có gì đáng nghi, vả lại quả báo thiện ác thông cả ba đời. Con người ta chỉ thấy người nhân nghĩa chết sớm, kẻ bạo ngược được sống lâu, kẻ ngỗ nghịch được an lành, người nhân nghĩa thì bị tai ương, liền cho rằng không có nhân quả, chẳng có tội phước. Nhưng lại đâu biết nhân quả theo nhau như bóng với hình, chẳng hề có mấy may sai chạy, dù trải qua trăm ngàn vạn kiếp cũng không bao giờ mất.

Bấy giờ, Xà-dạ-đa nghe những lời ấy xong liền hết nghi ngờ. Ngài nói: Mê lầm do thức mà có, thức lại dựa vào bất giác, bất giác lại nương vào tâm, nhưng tâm vốn thanh tịnh, không sinh diệt, chẳng tạo tác, không có báo ứng, chẳng có hơn thua, nó vắng lặng như thế, linh diệu như thế. Nếu ông thể nhập được pháp môn này thì đồng với chư Phật. Tất cả thiện ác, hữu vi vô vi đều như mộng như huyễn.

Xà-dạ-đa nghe xong liền lãnh hội được diệu lý, khai mở được túc tuệ, bèn khẩn cầu xuất gia, sau khi dạ đa thọ Cụ túc, ngài bảo Dạ-đa rằng: Giờ tịch diệt của ta đã đến, ông nên tiếp tục việc hoằng hóa của ta. Ngài bèn truyền trao Pháp nhãn tạng cho Dạ-đa và nói kệ:

Trên tánh vốn không sinh

Với người cầu nói sinh

Với pháp đã vô đắc

Lo gì hiểu chẳng hiểu.

Ngài lại nói: Đây là bài kệ của Diệu Âm Như Lai nói ra khi thấy được bản tánh thanh tịnh, ông nên truyền trao cho hậu học. Nói xong ngài ngồi trên tòa dùng tay vuốt mặt, mặt ngài như đóa sen hồng nở rộ, phóng đại quang minh chiếu khắp chúng hội, rồi an nhiên thị tịch. Xà-dạ-đa cùng đồ chúng dựng tháp cúng dường. Bấy giờ là năm Nhâm Ngọ, nhằm đời Tân Thất năm thứ mười bốn.

Quý Mùi: Hoài Dương Lưu Huyền: Tự là Thánh Công, là cháu bảy đời của Cảnh Đế, anh họ của Quang Vũ. Cảnh Đế sinh Trường Sa Vương Phát, Phát sinh Xuân Lăng Hầu Mãi, Mãi sinh Đối Hầu Hùng Cừ, Cừ sinh Thương Ngô Thái Thú Lợi, Lợi sinh Tử Trương Tử, Trương sinh Thánh Công, lập ông làm vua. Ông vốn nhu nhược, thấy quân thần thì khiếp sợ đến toát mồ hôi, miệng ú ớ không thành tiếng. Năm thứ hai, nhân thả ngựa ngao du vùng Giao hạ bị quân thần bức tử mà chết. Quang Vũ sai Đặng Vũ an táng ông ở Bá lăng. Ông trị vì được hai năm,

đổi niên hiệu là Cảnh Thi.

Giáp Thân: Lưu Bồn Tử: Người ở đất Thức thuộc Thái sơn, là hậu duệ của Dương Thành Vương Chương, ông là con của Hiến Vũ Hầu Mạnh. Lúc đầu cùng Phàn Sùng khởi binh ở đất cử, liên kết với bọn Chu Mi nổi lên đánh Mãng. Kiến Vũ năm thứ ba, đầu hàng Quang Vũ, được phong làm Triệu Vương. Ông trị vì được một năm.

ĐÔNG HÁN MINH ĐẾ:

Ông họ Lưu, Vương Hỏa Đức đóng đô ở Lạc Dương, Lôi Thị nói: Quang, Minh, Chương, Hòa, Thương, An, Bắc Hương, Thuận Xung, Chất, Hoàn, Linh, Hiến, cả thảy mười ba đời vua, trị vì được một trăm chín mươi lăm năm.

Ất Dậu: Thế Tổ Quang Vũ Đế: Tên là Tú, tự là Văn Thúc, người đất Nam sái. Ông là cháu chín đời của Cao Tổ. Con của Cảnh Đế là Trường Sa Vương Phát sinh ra Xuân Lăng Hầu Mãi, Mãi sinh ra Uất Lâm Thái Thú Ngoại, Ngoại sinh ra Cự Lộc Đô Úy Hôi, Hôi sinh ra Nam Đốn Lĩnh Khâm. Con của Khâm sinh ra ông. Vừa sinh ra có ánh sáng màu đỏ chiếu sáng cả nhà. Lớn lên ông dùng chính sách của Nghiêm Tử để phục hưng lại nhà Hán. Ông lên ngôi ở Cao nam, sau dời đô về đất Lạc. Tháng hai năm Đinh Tỵ mất trước điện Nam cung, thọ sáu mươi hai tuổi, an táng ở Nguyên lăng. Ông trị vì được ba mươi ba năm, đổi niên hiệu là Kiến Vũ.

Mậu Tuất: Vua phong Khổng Tử làm Bao Thành Hầu.

Tân Hợi: Thế Tôn diệt độ được một ngàn năm. Từ đây về sau các vị Đại Bồ-tát hộ pháp lần lượt xuất thế tạo luận.

Bính Thìn: Đổi niên hiệu là Trung Nguyên. Ở Kinh sư xuất hiện dòng suối nước ngọt, uống vào thì bệnh tật thuyên giảm nhanh chóng.

Mậu Ngọ: Minh đế: Tên là Trang, con thứ tư của Quang Vũ. Mười mười tuổi đã đọc thông Xuân Thu, ba mươi tuổi lên ngôi, đại hưng Nho học. Năm Ất Hợi mất ở trước điện Đông cung thọ bốn mươi tám tuổi, an táng ở Hiến tiết lăng. Ông trị vì được mười tám năm, đổi niên hiệu là Vĩnh Bình.

VUA NĂM MỘNG THẤY NGƯỜI BẰNG VÀNG (Tân Dậu)

Vua năm mộng thấy một người bằng vàng cao sáu thước, cổ đeo vàng mặt trời, bay vào trong sân điện. Sáng dậy vua triệu tập quần thần để đoán mộng. Bấy giờ thông nhân là Phó Nghị tâu: Thần xem trong Chu Thư Dự Ký, trong ấy có ghi: Ngày tám tháng tư năm Giáp Dần niên

hiệu Chiêu Vương thứ hai mươi bốn, thời tiết vẫn bình thường, bỗng có trận cuồng phong thổi tới chấn động cả cung điện, nhà cửa. Đêm ấy có ánh sáng năm màu xuyên thẳng lên hư không, vòng qua hướng Tây tạo thành cầu vồng có màu xanh, hồng. Vua hỏi Thái Sử Tô Do: Đó là điềm gì?

Do thưa:

- Tây Phương có Đại Thánh nhân ra đời.
- Đối với thiên hạ, ông ấy là người thế nào?

- Bấy giờ thì không có, nhưng một ngàn năm sau, thanh giáo của ông ấy trùm khắp nước này. Vua sai thợ đục đá khắc ghi lại việc này, chôn ở trước đền Thiên từ (miếu thờ trời) ở Nam giao. Tính theo năm thì đến năm Tân Dậu hiện nay là đúng một ngàn không trăm mười năm. Điều mà nhà vua mộng thấy chính là việc này.

Vua tin đó là sự thật, liền sai trung lang tướng Thái Âm, Bác sĩ Vương Tuân, Tần Cảnh... cả thảy mười tám người qua phía Tây để tìm hiểu Phật giáo. Đến nước Đại Nguyệt Thị quả nhiên gặp hai ngài: Ca-diếp Ma-đăng và Trúc Pháp Lan chở tượng Phật bằng lông cừu trắng, do vua nước Ưu-điền tạc và kinh Tứ Thập Nhị Chương, Âm bèn nghênh đón hai ngài về Lạc Dương .

Giáp Tý bốn mươi sáu.

GIÁO PHÁP TRUYỀN SANG ĐÔNG BỘ: (Mậu Thìn)

Ngày ba mươi tháng mười hai, Thái Âm... đưa hai Sa-môn ấy về đến Lạc Dương , vua ban lệnh đặt tượng Phật ở Thanh Lương đài Hiển tiết lăng và cửa Tây thành Lạc Dương để cho dân chúng chiêm ngưỡng. Kinh bằng tiếng Phạm và tiếng Hán được an trí ở thạch thất Lan đài.

MA ĐĂNG, TRÚC PHÁP LAN:

Vua xuống chiếu an trí tượng của Thế Tôn ở Tiết lăng và Thanh Lương đài để cúng dường. Vua lại dựng chùa ở bên ngoài Ung môn ở phía Tây thành để Ma-đăng và Trúc Pháp Lan ở. Nhân có con ngựa trắng chở kinh sang, nên vua lấy tên chùa là Bạch Mã .

Đầu tiên, hai ngài dịch bộ kinh Tứ Thập Nhị Chương, vua xa giá đến chùa, hai ngài cùng thưa: Thưa bệ hạ! Phía Đông của chùa là hội quán gì?

Vua nói: Xưa có một cái gò vô cơ nổi cao lên, để lại dấu tích như vậy. Ban đêm có ánh sáng lạ, nhân dân gọi đó là Mã thánh. Từ đó họ thờ cúng và nghi đó là Thần của Lạc Dương .

Ma-đăng nói: Căn cứ trong Kim Tàng Thuyền bên Thiên Trúc có ghi: A-dục Vương an trí xá-lợi của Như Lai có đến tám mươi bốn ngàn nơi rải rác khắp thiên hạ. Riêng địa phận của Chi Na Chấn Đán có mười chín chỗ. Đây là một trong số đó. Vua nghe thất kinh, liền xa giá đến nơi ấy, bấy giờ hai ngài cùng đi theo. Đến nơi hai ngài lễ lạy. Bỗng có một luồng ánh sáng hình tròn xuất hiện trên gò đất ấy. Ba lần hiện hào quang, thị vệ đều hô “Vạn tuế”. Nhà vua vui mừng nói: Nếu chẳng gặp được hai vị Đại sĩ, thì làm sao biết được Thánh nhân để lại diễm lành này!

Vua liền xuống chiếu xây tháp ngay trên gò đất đó. Bấy giờ theo sự chỉ dẫn của hai ngài, tháp được xây cao đến chín tầng, cả thảy hai trăm thước. Năm sau hào quang lại xuất hiện, lại thấy có cánh tay sắc vàng thò ra trên đỉnh tháp dài hơn một thước. Hình thể cánh tay giống như Lưu ly, hương trời tỏa ra thơm ngát. Vua liền xa giá đến lễ lạy. Ánh sáng ấy cứ vòng quanh theo chân vua, từ giờ Ngọ đến giờ Thân mới hết.

Canh Ngọ: Pháp Lan dịch xong kinh Thập Địa Đoạn Kết.

Tân Mùi: Sở Vương Anh là em của vua, học theo Hoàng, Lão và Phật giáo, dựng lên đồ sấm nhằm mưu phản. Phế Ty, Đan Dương phải tự sát, liên lụy đến hơn ngàn người.

THÍCH ĐẠO SO TÀI ĐỐT KINH: (Nhâm Thân)

Ngày một tháng giêng năm này, bọn đạo sĩ trên Ngũ nhạc như Tự Thiện Tín... dâng số muốn so tài. Bấy giờ Nam nhạc có Đạo sĩ Tự Thiện Tín..., Tây nhạc có Đạo sĩ Lưu Chánh Niệm..., Bắc nhạc có Đạo sĩ Hoàn Văn Đô... Đông nhạc có Đạo sĩ Tiêu Đức Tâm... Tung nhạc có đạo sĩ Lã Tuệ Thông,... đạo sĩ Phí Thúc Tài, Kỳ Văn Tín... ở các núi khác, tổng cộng một ngàn ba trăm mười người dâng biểu tấu. Vua nhận biểu tấu, sai Thượng thư Lệnh Tống Tường dẫn bọn họ vào cung Trường Lạc. Vua bảo bọn họ: Ngày mười lăm tháng này tập trung tại chùa Bạch Mã, dựng đàn đốt kinh để kiểm nghiệm.

Bấy giờ bọn đạo sĩ đem tới nào là Chân Nguyên, Ngũ Quyết, Phù Lục... cả thảy năm trăm lẻ chín quyển. Mao Thành Tử cùng hai mươi bảy đạo gia khác đem đến hai trăm ba mươi lăm quyển. Tổng cộng hết thảy đến bảy trăm bốn mươi tám quyển, đặt cả tên đàn. Bọn đạo sĩ của Tự và Phí đốt hương chú nguyện xong dùng lửa đốt kinh sách của bọn này cháy sạch. Tự và Phí bị cảm mà chết. Kế đến đem kinh bằng tiếng Phạm (kinh Phật) đốt, lửa cháy hừng hực nhưng kinh vẫn y nguyên như

đỉnh, đã không cháy lại càng sáng đẹp hơn. Khi ấy Pháp sư Ma-đăng vận dụng thần thông bay lên hư không nói kệ rằng:

*Ta chẳng phải Sư tử
Đền chẳng bằng Nhật nguyệt
Ao đâu như biển lớn
Gò đâu sánh núi cao,
Mây pháp trùm thế giới
Giống thiện tất nảy mầm
Mở bày pháp hy hữu
Giáo hóa khắp quần sinh.*

Kế đến ngài giảng thuyết đến những việc thù thắng như Pháp Giới Tạng, thần thông diệu dụng, làm chấn động lòng người, thế là quan dân khẩn cầu xuất gia đông không kể xiết. Bấy giờ quan Tư không Dương Thành Hầu Lưu Thiện Tuấn cùng hơn một ngàn người khác xuất gia cầu học. Đạo sĩ của Tứ Nhạc là Lã Tuệ Thông, cùng sáu trăm hai mươi tám người khác tháo râu, cắt tóc. Phu nhân Vương Tiệp Dư cùng hơn hai trăm ba mươi cung nhân bỏ tục quy chân. Đạo sĩ Nam Nhạc an táng Tự Thiện Tín, nên chưa được xuống tóc. Sau đó Minh Đế thiết trai, hai ngài đích thân xuống tóc cho bọn họ, vua ban cho họ y, bát. Từ đó hai ngài mở rộng Huyền tông, độ khắp Tăng, Ni, dựng mười chùa cao, bảy ngôi ngoài thành để chư Tăng ở, ba ngôi trong thành dành riêng chư Ni. Danh từ Chùa được phát xuất từ đây. Việc này có ghi rõ trong Phật Đạo Luận.

Trong Thạch Thất Luận chép: Giáo pháp của bậc Thánh nhân bên Tây Vực xưa kia, không phải những Đấng Quân Vương suy đồi của nhà Chu, quốc vương bạo tàn nhà Tần học được. Thế mà hai ba đời Minh chủ của Tây Hán lại có duyên gặp được. Nhưng Thánh giáo cũng đâu phải chỉ hiện trong mộng của Hiến Tông. Tất cả những bậc cao Tăng xưa nay đều cố công tìm cầu Thánh nhân, thế mà Thế Tôn diệt độ hơn cả ngàn năm giáo pháp của ngài mới truyền đến. Xưa nay chưa từng có ai khảo chứng trừ tác cái đức của Hiến Tông, nhưng tất có người cảm nhận được cái lý của Thánh nhân. Đó là cái lý do chung để tôi viết luận.

Lưỡng Hán (Đông Hán và Tây Hán) có được thiên hạ, truyền được mười bốn đời. Thế nhưng những vị vua có đức thì chỉ có hai Tổ, bốn Tông mà thôi. Hai Tổ là những bậc Minh chủ bậc nhất, nên cố nhiên không bàn đến. Còn như ba Tông, mỗi Tông đều có cái hay, cái đẹp nhưng cũng không quên đi cái xấu, cái tệ của họ được. Chỉ có Hiến

Tông là người đức độ vẹn toàn nhất. Có cái đẹp khiêm cung, cần kiệm của Thái Tông và cái tính tao nhã, uy nghiêm lại càng vượt xa hơn ông ấy. Có công kinh lược bốn loại Man Di của Thế Tông, nhưng lại không có cái tệ hoang dâm, xa xỉ của Thế Tông. Có cái sáng suốt về chính trị của Trung Tông, mà cái đức tôn trọng Nho học càng vượt xa hơn ông ấy. Sở dĩ có được như vậy là nhờ ông hội đủ sở trường của ba Tông nhưng lại không có sở đoản của ba Tông. Thế nên Ban Cố, Phó Nghị đều ca tụng công lao và đức độ của ông, cho ông là người làm đất nước thịnh trị nhất trong dòng tộc nhà Hán. Thế nhưng Học giả ở đời không tin lời của Ban Cố, Phó Nghị, mà họ chỉ thấy sông Chung Ly, Ý Phó cho tính cách nhà vua xét việc cạn cợt, chú trọng đến những gì tai nghe, mắt thấy mà thôi, rồi lấy đó làm cái chính để ghi chép lại cuộc đời của Hiến Tông. Than ôi! Lẽ đâu chỉ thuận bàn một khía cạnh ấy thôi ư?

Xưa kia Trọng Ni bình chương thảo luận về Ngũ đế, Tam vương, chỉnh sửa tận tường rồi lưu lại cho hậu thế. Nhưng đến nay thì sách ấy không còn. Sau khi bạo chúa nhà Tần thiêu hủy, Thế Tông chỉ có thể đưa ra được chừng đó chứng cứ mà thôi.

Đến đời Hiến Tông mới bắt đầu đích thân thi hành Nho thuật, tôn dưỡng Tam bảo, Ngũ canh, cúng trời tế thần. Vua ngồi ngay thẳng tự giảng đạo, các nhà Nho cầm kinh vấn nạn. Lúc bấy giờ những kẻ sĩ tài cao học rộng đều ngồi nơi cửa mà nhìn, nghe. Bọn họ có đến cả ức vạn người. Bao la thay! Mệnh mông thay!

Từ thời Tam đại đến nay, nho phong rất hưng thịnh, nhưng đâu sánh kịp với thời Vĩnh Bình. Từ thời Chương Hòa về sau, các Nho gia mở quan thự, truyền đạo, trừ tác có đến ngàn hơn. Bởi vì sự hoàng hóa trong thời Vĩnh Bình, vẫn còn chịu ảnh hưởng bởi sự thịnh trị của nhà Chu. Ban đầu dù cũng kiện cáo rối bời, nhưng khi vua lâm triều thực thi chánh sự quyết đoán tinh nghiêm, nên thiên ác đều phân minh rành rọt, chẳng khác nào Khổng Tử làm quan tư khấu chỉ trong bảy ngày mà giết Thiếu Chánh Mão, vừa đến Giáp Cốc đã giết sạch bọn Xương Ưu (con hát). Việc ấy thật không thể dùng cái giả nhân, giả thứ nho nhỏ được. Đó gọi là xét việc cạn cợt tất bị lỗi lầm. Tôi cho rằng, giả sử Khổng Tử có tái sinh tất cũng phải thốt lên rằng: Hiến Tông ! Ta thật không được như vậy!

Vì sao? Bởi vì Hiến Tông hội đủ cái hay của ba Tông Tây Hán, tự mình thi hành cái đạo của Đế Vương xưa, nhờ đó mà sáng suốt, ứng hợp với Phật đạo của ta, mà Thánh giáo nhân đây phổ cập khắp xứ Trung Hạ. Hình thức nội dung chẳng khác Nho gia nhưng thi thiết khắp thiên

hạ bằng những việc thiện, lẽ đâu đó là chuyện ngẫu nhiên ư!

TỔ 20: XÀ DẠ ĐÀ: (Giáp Tuất)

Ngài sinh trưởng tại Bắc Thiên Trúc. Ngài vốn có một trí tuệ uyên thâm, độ người cũng vô lượng. Về sau ngài dẫn đồ chúng đến thành La duyet xiển dương Đốn giáo. Ở tại thành này hiện có một học chúng rất ưa biện luận. Người dẫn đầu trong số đó tên là Bà-tu-bàn-đầu (Hán định là Biến Hành). Ông mỗi ngày chỉ ăn một bữa, chẳng từng đặt lưng xuống chiếu, lạy Phật đủ sáu thời. Tâm ông thanh tịnh chẳng có ý mong cầu, nên mọi người ai cũng quy phục.

Khi ngài muốn độ ông ấy, trước tiên ngài hỏi đồ chúng ông ta rằng: Ông Biến Hành Đầu-đà này hay tu hành Phạm hạnh, ông ấy có thể chứng đắc Phật đạo chăng?

- Thầy tôi tinh tấn, sao lại không chứng!

- Thầy ông cách đạo xa lắm. Giả sử ông ấy thực hành khổ hạnh đến trần kiếp, cũng đều là gốc của hư vọng.

- Tôn giả có được đức hạnh gì mà chê thầy của tôi?

Ngài đáp: Ta không cầu đạo, cũng chẳng điên đảo, ta chẳng lạy Phật, cũng chẳng khinh mạn, ta không ngồi hoài, cũng chẳng giải đãi, chẳng ăn một bữa, cũng chẳng ăn hoài, ta chẳng biết đủ, ta chẳng tham cầu, tâm chẳng hy vọng, đó gọi là đạo.

Biến Hành nghe thế, liền phát vô lậu trí vui mừng ngợi khen. Tôn giả lại hỏi họ rằng: Các ông hiểu lời ta nói không? Sở dĩ ta nói như vậy là vì những người có tâm cầu đạo tha thiết, như sợi dây đàn hễ căng quá tất đứt, thế nên ta không khen ông ấy là muốn ông ta an trụ trong An lạc địa, thể nhập vào trí của chư Phật.

Ngài lại hỏi Biến Hành:

- Ta vừa đối đáp với bọn họ, bài bác việc làm của ông, ông không phiền não đấy chứ?

- Con nhớ lại bảy kiếp trước, con sinh trong nước An lạc, con thờ Trí giả Nguyệt Tịnh, Nguyệt Tịnh thọ ký cho con rằng: “Không bao lâu nữa, ông sẽ chứng quả Tư-đà-hàm.” Bấy giờ có Bồ-tát Đại Quang Minh xuất thế. Vì già yếu nên con chống gậy vào lễ Bồ-tát. Thầy con nạt con rằng: “Con nít khinh cha già, sao ông dốt đến thế!”

Khi ấy con cảm thấy mình không có lỗi, bèn xin thầy chỉ dạy. Thầy con bảo rằng: “Ông lạy Bồ-tát Đại Quang Minh, sao lại đem gậy dựa vào vách có vẽ hình Phật? Do tội ngã mạn này nên ông đánh mất hai quả vị. Từ đó con tự trách mình, ăn năn hối lỗi. Mãi đến ngày nay,

con xem những điều tốt xấu như gió như tiếng vang, hướng vì ngày nay con được uống pháp vị Cam lồ Vô thượng, lẽ đâu lại sinh phiền não sao! Ngưỡng mong đấng Đại từ xót thương đem đạo mâu chỉ dạy cho con.

Ngài nói: Từ lâu ông đã gieo trồng biết bao công đức, ông sẽ kế thừa tông môn của ta. Hãy nghe ta nói kệ:

*Nói ra hợp vô sinh Đồng với tánh pháp
giới Nếu hiểu được như thế Thông đạt cả
sự lý.*

Truyền pháp xong, ngài chẳng rời khỏi tòa, lặng lẽ quy tịch. Bà-tu-bàn-đầu cùng đồ chúng trà-tỳ chân thân thâu lấy xá-lợi, dựng tháp cúng dường. Bấy giờ là năm Giáp Tuất, nhằm đời Hậu Hán Minh Đế năm thứ mười bảy.